**KẾ HOẠCH TUẦN 9**

**ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**

**NỘI DUNG ÔN TẬP: Các em làm các câu hỏi trắc nghiệm sau**

**BÀI 3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ MANG TÍNH TOÀN CẦU**

- *\* Nhận biết*

Câu 1. Biểu hiện của già hoá dân số ở các nước phát triển hiện nay là

A. tỉ lệ người dưới 15 tuổi tăng.

B. tỉ lệ người trên 65 tuổi giảm.

C. tuổi thọ trung bình thấp.

D. tỉ lệ người trên 65 tuổi cao.

Câu 2. Khi hàm lượng khí CO2 tăng cao dẫn đến hiện tượng gì sau đây?

A. Thủng tầng ô-dôn.

B. Nhiệt độ Trái Đất tăng.

C. Mưa axit.

D. Ô nhiễm nguồn nước.

Câu 3. Tầng ô-dôn mỏng dần và lỗ thủng ngày càng rộng là do loại khí nào gây ra?

A. CFCS. B. NO2. C. CO2. D. CH4.

Câu 4. Nguồn nước ngọt bị ô nhiễm nghiêm trọng nhất hiện nay là

A. nước sông, hồ. B. nước ngầm.

C. nước mưa. D. nước khoáng.

Câu 5. Vấn đề dân số nổi bật ở các nước phát triển là

A. bùng nổ dân số.

B. già hoá dân số.

C. gia tăng dân số nhanh.

D. cơ cấu dân số trẻ.

Câu 6. Loại khí nào là nguyên nhân trực tiếp gây ra hiệu ứng nhà kính?

A. CFCS B. NO2. C. CO2. D. CH4.

Câu 7. Khi hàm lượng khí CFCS tăng cao dẫn đến hiện tượng gì sau đây?

A. Thủng tầng ô-dôn.

B. Trái Đất ấm lên.

C. Mưa axit.

D. Hiệu ứng nhà kính.

Câu 8. Môi trường biển và đại dương bị ô nhiễm khi

A. tàu chở dầu đắm.

B. xả khí thải chưa qua xử lí.

C. mưa axit.

D. thám hiểm đáy biển.

Câu 9. Dân số già diễn ra chủ yếu ở

A. các nước đang phát triển.

B. các nước phát triển.

C. tất cả các nước trên thế giới.

D. các nước công nghiệp mới.

Câu 10. Để bảo vệ động, thực vật quý hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng cần

A. tăng cường nuôi trồng.

B. mở rộng vườn quốc gia.

C. tuyệt đối không được khai thác.

D. cấm khai thác rừng.

Câu 11. Khi hàm lượng khí CO2 tăng cao dẫn đến hiện tượng gì sau đây?

A. Thủng tầng ô-dôn.

B. Trái Đất nóng lên.

C. Mưa axit.

D. Suy giảm sinh vật.

Câu 12. Môi trường nước ngọt bị ô nhiễm khi

A. tàu chở dầu đắm.

B. xả nước thải chưa qua xử lí.

C. mưa axit.

D. thám hiểm đáy biển.

\* Thông hiểu

Câu 1. Nguyên nhân chủ yếu làm cho nhiều loài sinh vật trên Trái Đất bị tuyệt chủng hoặc có nguy cơ tuyệt chủng là

A. phá rừng làm nương rẫy.

B. cháy rừng trên diện rộng.

C. gia tăng săn bắn động vật.

D. khai thác rừng quá mức.

Câu 2. Hiệu ứng nhà kính dẫn đến hậu quả trực tiếp là

A. tan băng ở hai cực.

B. nước biển dâng cao.

C. nhiệt độ Trái Đất tăng.

D. thủng tầng ô-dôn.

Câu 3. Khí CO2 trong khí quyển có xu hướng tăng chủ yếu do nguyên nhân nào sau đây?

A. Hoạt động công nghiệp.

B. Sản xuất ô tô, điện tử.

C. Đẩy mạnh, phát triển du lịch.

D. Hoạt động của hàng không.

Câu 4. Việc suy giảm và thủng tầng ô-dôn *gây* hậu quả gì sau đây?

A. Gia tăng hiện tượng mưa axit.

B. Mất lớp bảo vệ Trái Đất.

C. Nhiệt độ Trái Đất tăng lên.

D. Băng tan ở hai cực.

Câu 5. Dân số già gây ra hậu quả

A. thiếu nguồn lao động

B. nguồn lao động dồi dào.

C. y tế quá tải.

D. giáo dục không phát triển.

Câu 6. Suy giảm đa dạng sinh học dẫn tới hậu quả gì?

A. Khan hiếm nguồn tài nguyên.

B. Khan hiếm nguồn nước ngọt.

C. Thu hẹp không gian sống của các loài sinh vật.

D. Mất đi nhiều loài gen, nguồn thực phẩm.

**BÀI 5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA CHÂU LỤC VÀ KHU VỰC**

**CHÂU PHI**

*\* Nhận biết*

Câu 1. Đại bộ phận lãnh thổ châu Phi là cảnh quan

A. hoang mạc và rừng cận nhiệt đới khô.

B. rừng cận nhiệt đới khô và xavan.

C. xavan và rừng xích đạo.

D. hoang mạc, bán hoang mạc và xavan.

Câu 2. Dấu hiệu nào cho thấy nền kinh tế của các nước châu Phi đang phát triển theo chiều hướng tích cực?

A. Tốc độ tăng trưởng GDP tương đối cao.

B. Nợ nước ngoài ngày càng tăng.

C. Sự lệ thuộc chặt chẽ vào vốn nước ngoài.

D. Giá trị nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu.

Câu 3. Châu Phi tiếp giáp hai đại đương nào sau đây?

A. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

B. Bắc Băng Dương và Thái Bình Dương

C. Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.

D. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.

Câu 4. Đặc điểm nổi bật của khí hậu châu Phi là

 A. lạnh khô. B. khô nóng. C. nóng ẩm. D. lạnh ẩm.

Câu 5. Một trong những đặc điểm dân cư nổi bật của châu Phi là

A. tuổi thọ trung bình thấp.

B. gia tăng dân số tự nhiên thấp

C. dân số đông, tăng rất chậm.

D. tỉ lệ nhóm người trên 60 tuổi cao.

Câu 6. Châu Phi có số lượng người nhiễm bệnh nào nhiều nhất thế giới?

A. Ung thư. B. Tim mạch.

C. HIV/AIDS. D. Bệnh phong.

Câu 7. Tài nguyên đang bị khai thác quá mức ở châu Phi là

A. rừng và đất trồng. B. nguồn nước và khoáng sản.

 C. rừng và khoáng sản. D. đất trồng và nguồn nước.

Câu 8. Việt Nam cũng đã từng cùng với nhiều tổ chức quốc tế giúp đỡ một số nước châu Phi có khó khăn bằng cách

A. hỗ trợ tiền và hỗ trợ kĩ thuật.

B. gửi chuyên gia giáo dục và tư vấn kĩ thuật.

C. hỗ trợ lương thực và thuốc men.

D. cấp học bổng cho học sinh, sinh viên .

Câu 9. Ý nào sau đây khôngphải đặc điểm dân cư và xã hội châu Phi?

A. Trình độ dân trí rất thấp. B. Chỉ số phát triển con người cao.

C. Xung đột sắc tộc, đói nghèo. D. Nhiều hủ tục lạc hậu, bệnh tật.

\* Thông hiểu

Câu 1. Vấn đề xã hội gay gắt nhất của châu Phi hiện nay là

A. tình trạng mù chữ, thất học. B. xung đột sắc tộc, tôn giáo.

C. lây lan dịch bệnh, nghèo đói. D. tham nhũng, buôn bán vũ khí.

Câu 2. Để phát triển nông nghiệp, giải pháp cấp bách đối với đa số các quốc gia ở châu Phi là

A. Mở rộng mô hình sản xuất quảng canh.

B. Khai hoang để mở rộng diện tích đất trồng trọt.

C. Tạo ra các giống cây có thể chịu được khô hạn.

D. Áp dụng các biện pháp thủy lợi để hạn chế khô hạn.

Câu 3. Việc khai thác khoáng sản ở châu Phi đã

A. Nhanh chóng tàn phá môi trường.

B. Làm tăng diện tích đất trồng trọt.

C. Giữ được nguồn nước ngầm.

D. Thúc đẩy nhanh quá trình phong hóa đất.

Câu 4. Một trong những nguyên nhân làm hạn chế sự phát triển của châu Phi là

A. Không có tài nguyên khoáng sản

B. Hậu quả thống trị của chủ nghĩa thực dân

C. Dân số già, số lượng lao động ít

D. Tài nguyên thiên nhiên chưa được khai thác nhiều.

Câu 5. Ý nào sau đây *không phải* nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của châu Phi?

 A. Xung đột sắc tộc, tôn giáo. B. Quản lí đất nước yếu kém.

 C. Trình độ dân trí thấp. D. Sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế.

Câu 6. Việc khai thác khoáng sản ở châu Phi đã

A. Mang lại lợi nhuận cho các nước có tài nguyên.

B. Mang lại lợi nhuận cao cho người lao động.

C. Mang lại lợi nhuận cao cho các công ty tư bản nước ngoài.

D. Mang lại lợi nhuận cho một nhóm người lao động.

**MỸ LA TINH**

***\* Nhận biết***

Câu 1: Mĩ La-tinh tiếp giáp những đại dương nào?

A. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

B. Bắc Băng Dương và Thái Bình Dương

C. Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.

D. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.

Câu 2: Dãy núi lớn nhất của khu vực Mĩ La-tinh là

 A. At-lat. B. An-đet. C. An-tai. D. Véc-khôi-an.

Câu 3: Ý nào sau đây không phải đặc điểm dân cư, xã hội của Mĩ La-tinh?

A. Hiện tượng đô thị hoá tự phát.

B. Số dân sống dưới mức nghèo khổ đông

C. Chênh lệch giàu - nghèo rõ rệt.

D. Đa dân tộc, tỉ lệ dân theo đạo Hồi cao.

Câu 4: Phần lãnh thổ nào sau đây không thuộc Mĩ La-tinh?

 A. Eo đất Trung Mĩ. B. Quần đảo Ca-ri-bê.

 C. Lục địa Nam Mĩ. D. Bán đảo Phlo-ri-đa.

Câu 5: Đại bộ phận lãnh thổ khu vực Mĩ La-tinh là cảnh quan

 A. hoang mạc và bán hoang mạc. B. rừng xích đạo và nhiệt đới âm.

 C. xavan và xavan - rừng. D. thảo nguyên và thảo nguyên - rừng.

Câu 6: Tình trạng dân cư nông thôn ở Mĩ La-tinh ồ ạt kéo ra thành phố sinh sống gây ra hiện tượng

A. đô thị hoá tự phát. B. công nghiệp hóa.

C. bùng nổ dân số. D. già hoá dân số.

Câu 7: Dân cư Mĩ la tinh có đặc điểm nào dưới đây?

A. Gia tăng dân số thấp. B. Tỉ suất nhập cư lớn

C. Tỉ lệ dân thành thị cao. D. Dân số đang trẻ hóa.

Câu 8: Rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm phân bố tập trung ở đồng bằng nào của Mĩ La-tinh?

A. Pam-pa. B. LaPla-ta. C. A-ma-dôn. D. La-nốt.

Câu 9: Đô thị hoá tự phát ở Mĩ La-tinh là do

A. di cư tự do từ nông thôn.

B. công nghiệp hóa.

C. bùng nổ dân số.

D. già hoá dân số.

\* Thông hiểu

Câu 1. Mĩ La tinh có tỉ lệ dân cư đô thị rất cao (năm 2013, gần 70%), nguyên nhân chủ yếu là do

1. Dân nghèo không có ruộng kéo ra thành phố làm.
2. Điều kiện sống ở thành phố của Mĩ La tinh rất thuận lợi.
3. Chiến tranh ở các vùng nông thôn.
4. Công nghiệp phá triển với tốc độ nhanh.

Câu 2. Trên 50% nguồn FDI đầu tư vào Mĩ La tinh là từ

1. Tây Ban Nha và Anh.
2. Bồ Đào Nha và Nam Phi.
3. Hoa Kì và Tây Ban Nha
4. Nhật Bản và Pháp.

Câu 3. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây đã làm cho tốc độ phát triển kinh tế không đều, đầu tư nước ngoài giảm mạnh ở Mĩ La tinh?

1. Chính trị không ổn định
2. Cạn kiệt dần tài nguyên
3. Thiếu lực lượng lao động
4. Thiên tai xảy ra nhiều

Câu 4. Các nước Mĩ La tinh hiện nay còn phụ thuộc nhiều nhất vào

1. Tây Ban Nha
2. Pháp
3. Hoa Kì
4. Anh

Câu 5. Kinh tế nhiều quốc gia Mĩ La tinh đang từng bước được cải thiện chủ yếu là do

1. tập trung củng cố bộ máy nhà nước
2. không còn phụ thuộc vào nước ngoài
3. san sẻ quyền lợi các công ti tư bản nước ngoài
4. cải cách ruộng đất triệt để.

Câu 6. Ý nào dưới đây không phải là đặc điểm dân cư, xã hội của các nước Mĩ Latinh?

1. Số dân sống dưới mức nghèo khổ đông.
2. Thu nhập giữa người giàu – nghèo bất chênh lệch
3. Đời sống người dân có mức sống cao
4. Số người nghèo khổ đã giảm mạnh.

**NHẬN XÉT BẢNG SỐ LIỆU VÀ BIỂU ĐỒ**

Câu 1. Cho bảng số liệu

Tốc độ tăng GDP của một số quốc gia ở Mĩ La tinh qua các năm

(Đơn vị: %)



Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

1. Tốc độ tăng trưởng GDP của các nước đều giảm
2. Các nước có tốc độ tăng trưởng GDP không ổn định
3. Các nước có tốc độ tăng trưởng GDP đều cao như nhau
4. Không chênh lệch về tốc độ tăng trưởng GDP giữa các nước

Câu 2. Cho bảng số liệu:

GDP bình quân đầu người của một số nước trên thế giới năm 2013

(Đơn vị: USD)



Nhận xét nào sau đây là đúng?

1. Các nước phát triển có GDP/người đều trên 60 nghìn USD
2. Các nước đang phát triển không có sự chênh lệch nhiều về GDP/người
3. Không có sự chênh lệch nhiều về GDP/người giữa các nhóm nước
4. GDP/người chênh lệch lớn giữa các nước phát triển và đang phát triển

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Tuổi thọ trung bình của các châu lục trên thế giới năm 2010 và năm 2014

(Đơn vị: tuổi)



Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

1. Dân số thế giới có tuổi thọ trung bình không biến động
2. Tuổi họ trung bình của châu Phi cao hơn châu Âu
3. Dân số châu Phi có tuổi thọ trung bình thấp nhất thế giới
4. Dân số tuổi thọ trung bình của các châu lục có tuổi thọ trung bình là như nhau

Câu 4. Cho bảng số liệu

Tốc độ tăng GDP của một số quốc gia ở Mĩ La tinh qua các năm

(Đơn vị: %)



Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

1. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2013 của Vê-nê-xu-ê-la là cao nhất
2. Các nước có tốc độ tăng trưởng GDP không ổn định
3. Các nước có tốc độ tăng trưởng GDP khá ổn định
4. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2013 của Bra-xin là cao nhất

Câu 5. Cho bảng số liệu:

GDP bình quân đầu người của một số nước trên thế giới năm 2013

(Đơn vị: USD)



Nhận xét nào sau đây là đúng?

1. Thụy Điển có GDP/ người thấp hơn Hoa Kì
2. Ấn Độ có GDP/ người thấp nhất
3. Ê-ti ô-pi-a có GDP/ người cao nhất
4. Thụy Điển có GDP/ người cao nhất

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Tuổi thọ trung bình của các châu lục trên thế giới năm 2010 và năm 2014

(Đơn vị: tuổi)



Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

1. Dân số châu Á có tuổi thọ trung bình thấp nhất thế giới
2. Tuổi thọ trung bình của châu Phi tăng chậm hơn châu Âu
3. Từ năm 2010-2014 tuổi thọ trung bình thế giới giảm
4. Dân số châu Âu có tuổi thọ trung bình cao nhất thế giới

Câu 7: Cho bảng số liệu:

TUỔI THỌ TRUNG BÌNH CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM

 *(Đơn vị: tuổi)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhóm nước | Nước | Năm 2005 | Năm 2010 | Năm 2014 |
| Phát triển | Ca-na-đa | 80 | 81 | 81 |
| Nhật Bản | 82 | 83 | 83 |
| Phần Lan | 79 | 80 | 81 |

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

A. Các nước có tuổi thọ trung bình tăng.

B. Các nước có tuổi thọ trung bình giảm.

C. Các nước có tuổi thọ trung bình không thay đổi.

D. Tuổi thọ trung bình không chênh lệch giữa các nước.

Câu 8: Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ CHỈ SỐ VỀ DÂN SỐ CỦA CHÂU PHI VÀ NHÓM NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN NĂM 2005

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Châu lục/nhóm nước | Tỉ suất sinh thô (‰) | Tỉ suất tử thô (‰) |
| Châu Phi | 38 | 15 |
| Đang phát triển | 24 | 8 |

*(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 11, NXB giáo dục)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào dưới đây đúng về đặc điểm dân cư châu Phi so với nhóm nước đang phát triển?

A. Tỉ suất tử thô thấp hơn. B. Tỉ suất sinh thô ít hơn.

C. Tỉ suất sinh thô thấp hơn. D. Tỉ suất sinh thô cao hơn.

Câu 9.



42 -21= 21

36 – 20= 16

TỈ SUẤT SINH THÔ CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC NHÓM NƯỚC

*(Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê Việt Nam, NXB Thống kê)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây không đúng với tỉ suất sinh thô của thế giới và các nhóm nước, thời kì 1950 - 2015?

A. Từ năm 2005, các nước phát triển và toàn thế giới ổn định.

B. Các nước phát triển, đang phát triển đều có xu hướng giảm.

C. Các nước đang phát triển giảm nhiều hơn toàn thế giới.

D. Các nước phát triển giảm nhiều hơn các nước đang phát triển.